

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức QĐP số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ: Xây dựng, Công thương, Thông tin và Truyền thông về quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Lưu: VT. (45)Nam

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

QUY ĐỊNH

Quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2018/QĐ-UBND ngày **29** tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Những quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Viễn thông, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, phân cấp trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

2. Việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch chuyên ngành viễn thông, quy hoạch của các ngành có liên quan; bảo vệ an ninh quốc phòng; bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.

3. Ưu tiên và tạo điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp xây dựng và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia xã hội hóa công tác đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Khuyến khích áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp, công cụ quản lý hiện đại để quy hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trong đó có hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUY HOẠCH, XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

1. Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 11, 12, 13, 14, 15 Chương III Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh và các quy hoạch, văn bản liên quan khác, các doanh nghiệp viễn thông chủ động tổ chức lập Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và trình Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại tỉnh Hải Dương của các doanh nghiệp viễn thông.

3. Sau khi quy hoạch của doanh nghiệp được phê duyệt, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức công bố công khai, thông báo quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp (*trừ các nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định*) đồng thời gửi về Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 5. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Việc xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hải Dương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, chủ đầu tư phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được xây dựng phải đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn cho người và các công trình lân cận; đảm bảo cảnh quan, môi trường và mỹ quan đô thị.

4. Đảm bảo tĩnh không cho hoạt động bay, quản lý, bảo vệ vùng trời theo quy định tại Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (nếu có).

5. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng cột ăng ten không công kênh hoặc ngụy trang, thân thiện môi trường (loại A1) nhằm đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị và sử dụng khu vực đất công của tỉnh để triển khai xây dựng, lắp đặt cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động.

2. Bắt buộc áp dụng các điều khoản quy định trong "Mẫu hợp đồng" ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể và các quy định có liên quan, khi ký kết hợp đồng các bên có thể bổ sung các điều khoản, nội dung khác cho phù hợp.

Điều 10. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải tuân thủ quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Đối với công trình đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Sử dụng chung cột treo cáp

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 14 Nghị định 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, thực hiện các nội dung sau:

1. Tại các khu vực đô thị chưa có điều kiện hạ ngầm đường dây, tuyến cáp viễn thông và khu vực nông thôn, miền núi, nếu hệ thống cột treo cáp (*cột treo cáp viễn thông riêng biệt, cột treo cáp của các ngành khác*) có khả năng treo thêm đường dây, cáp viễn thông thì chủ sở hữu cột phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để treo đường dây, cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm mỹ quan, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

2. Việc sử dụng chung cột treo cáp phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật hiện hành của nhà nước đối với cột, cáp viễn thông đi nổi trong đó có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng ngoại vi viễn thông QCVN 33:2011/BTTTT và các quy định tại Chương 4 của Quy định này.

3. Các đơn vị sử dụng chung cột để treo cáp viễn thông và đơn vị sở hữu cột phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ số điện thoại liên lạc cần thiết.

4. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột treo cáp

a) Đơn vị sở hữu cột chủ trì, phối hợp với các đơn vị sử dụng chung cột để thực hiện việc tháo dỡ, di chuyển cột để giải phóng mặt bằng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di dời, thu hồi cột treo cáp, đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung để phối hợp thực hiện đồng bộ tháo dỡ đường dây, cáp viễn thông, chấp hành tiến độ giải phóng mặt bằng của cơ quan có thẩm quyền;



c) Trường hợp trên cột phải di dời, thu hồi có đường dây, cáp viễn thông nhưng không thể nhận biết được chủ sở hữu thì đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung; thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp giải quyết. Sau 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thông báo, các doanh nghiệp viễn thông không có sự phối hợp hoặc đường dây, cáp viễn thông trên cột vẫn chưa được tháo dỡ, thì đơn vị sở hữu cột thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng phối hợp giám sát việc tháo dỡ đường dây, cáp viễn thông như tài sản vô chủ.

Điều 12. Sử dụng chung cột ăng ten viễn thông

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 14 Nghị định 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012, thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với các khu vực có cột ăng ten hiện hữu phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông của tỉnh, quy định kỹ thuật áp dụng cho công trình cột ăng ten và đủ năng lực đáp ứng cho việc sử dụng chung, chủ sở hữu cột ăng ten phải chia sẻ hạ tầng với tổ chức, cá nhân khác sử dụng chung để bảo đảm mỹ quan đô thị.

2. Hệ thống ăng ten lắp đặt trên cột ăng ten phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 41:2011/BTTTT “Thiết bị trạm gốc thông tin di động”, QCVN 32:2011/BTTTT “Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông”, QCVN 9:2010/BTTTT “Tiếp đất cho các trạm viễn thông”; tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Khoa học và Công nghệ theo TCVN 3718-1:2005 “Quản lý an toàn trong trường bức xạ tần số radio - phần 1: mức phơi nhiễm lớn nhất trong dải tần 3Khz đến 300 Ghz” và các quy định có liên quan.

3. Các cột ăng ten dự kiến xây dựng mới phải đảm bảo khoảng cách so với hệ thống cột ăng ten hiện có tối thiểu là 100m đối với khu vực đô thị và tối thiểu 400m đối với khu vực ngoài đô thị.

Dưới khoảng cách trên, yêu cầu các doanh nghiệp thỏa thuận dùng chung hạ tầng. Trường hợp công trình cột ăng ten hiện có không đủ khả năng, yếu tố kỹ thuật để đáp ứng cho việc sử dụng chung, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xem xét, báo cáo UBND tỉnh trước khi chấp thuận vị trí để đầu tư xây dựng cột ăng ten mới.

4. Đối với những khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăng ten công kênh, khuyến khích chủ đầu tư thiết kế, xây dựng cột ăng ten và nhà trạm có khả năng đáp ứng cho doanh nghiệp khác sử dụng chung.

5. Các cột ăng ten phục vụ cho an ninh quốc phòng phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 13. Sử dụng chung hệ thống cống cáp, bể cáp

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 13 Nghị định 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012, thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với các khu vực có hệ thống cống cáp, bể cáp hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu hệ thống cống cáp, bể cáp có trách nhiệm

cho phép các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để đảm bảo mỹ quan và hiệu quả sử dụng quỹ đất đô thị.

2. Đối với các khu vực có hệ thống công cáp, bể cáp hiện hữu nhưng không đáp ứng được yêu cầu sử dụng chung, khi có đề nghị sử dụng chung hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, thì các bên phối hợp cải tạo, nâng cấp hệ thống công cáp, bể cáp đảm bảo dung lượng sử dụng chung; hoặc chủ sở hữu phải có trách nhiệm đầu tư nâng cấp hệ thống công cáp, bể cáp, tạo điều kiện cho việc sử dụng chung.

3. Tại những khu vực được quy hoạch xây dựng hệ thống công cáp, bể cáp để hạ ngầm đường dây, cáp viễn thông, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư hệ thống công cáp, bể cáp cho các doanh nghiệp viễn thông thuê. Không khuyến khích đầu tư xây dựng công trình công cáp, bể cáp dùng riêng cho từng doanh nghiệp viễn thông trên cùng một tuyến.

4. Chủ sở hữu hệ thống công cáp, bể cáp sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật, tuân thủ Tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn mạng lưới

Điều 14. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

1. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, công trình viễn thông riêng biệt thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

2. Các thiết bị phụ trợ gồm tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình, bể cáp và cột treo cáp phải ghi thông tin quản lý theo quy định tại mục 2.7.2.1 QCVN 33:2011/BTTTT và các quy định có liên quan.

3. Đường dây, cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo hiệu độ cao.

a) Màu sắc, kích thước của biển báo hiệu độ cao thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT.

b) Thông tin thể hiện trên biển báo hiệu độ cao gồm thông tin về tính chuyên ngành, chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp viễn thông và chỉ số độ cao (*theo khoảng cách thẳng đứng tính từ điểm thấp nhất tới mặt đường bộ hoặc đường thủy, đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một đơn vị*).

c) Vị trí lắp đặt biển báo hiệu độ cao: gắn trên đường dây, sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất.

Chương IV

CHỈNH TRANG, NGẦM HÓA MẠNG NGOẠI VI

Điều 15. Xây dựng Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi

1. Căn cứ vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Nguyên tắc thực hiện kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

a) Ưu tiên việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

b) Việc chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, đảm bảo an toàn an ninh mạng lưới và mỹ quan đô thị;

c) Việc chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các huyện, thị xã, thành phố phải phù hợp với lộ trình chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh.

Điều 16. Triển khai Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Căn cứ Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và phương án cụ thể triển khai thực hiện và báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm phối hợp, tự chủ về kinh phí và nhân lực phục vụ việc chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng viễn thông thuộc sở hữu của đơn vị theo Kế hoạch và phương án đã phê duyệt.

3. Tổ chức chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi:

a) Tối thiểu 7 (bảy) ngày làm việc trước thời điểm chính thức thi công, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có văn bản gửi đơn vị chủ sở hữu và các đơn vị đang sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đồng gửi Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện;

b) Trong quá trình chỉnh trang, ngầm hóa, nếu có doanh nghiệp không phối hợp thực hiện hoặc không xác định được đơn vị chủ sở hữu đối với công trình hoặc thiết bị lắp đặt trên/trong công trình hạ tầng kỹ thuật, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sẽ xử lý phần tài sản này như tài sản vô chủ.

4. Đối với mạng cáp, dây thuê bao treo hiện có chưa thể ngầm hóa, các doanh nghiệp chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chỉnh trang, bó gọn; thu hồi, tháo dỡ cáp, dây thuê bao không sử dụng theo đúng tiến độ của từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Xử lý cáp viễn thông đứt; tủ/hộp cáp, cột treo cáp bị hỏng

1. Khi đường dây, cáp viễn thông đi treo đứt hoặc tủ/hộp cáp viễn thông bị hỏng đơn vị sở hữu phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin. Công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc của tổ chức, cá nhân để xử lý cáp viễn thông đứt, tủ/hộp cáp, cột treo cáp bị hỏng.

2. Khi xảy ra sự cố cột treo cáp bị hỏng (gãy, đổ), đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thay thế bằng cột mới hoặc kéo dây gia cường để treo tạm cáp. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải phối hợp lập phương án và hoàn thiện khắc phục sự cố hoặc thay thế cột bằng phương án hạ ngầm cáp gửi Sở Thông tin và Truyền thông và triển khai các bước ngầm hóa cáp sau khi phương án được chấp thuận.

3. Trường hợp xảy ra thiên tai gây đứt đường dây, cáp viễn thông; hư hỏng tủ/hộp cáp; gãy, đổ cột treo cáp và cột ăng ten, đơn vị sở hữu có trách nhiệm khắc phục hậu quả sau thiên tai, thực hiện chỉnh trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông; dỡ bỏ, thu hồi, xử lý đường dây, cáp, tủ/hộp cáp, cột treo cáp, cột ăng ten không còn sử dụng đảm bảo mỹ quan đô thị.

Điều 18. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông

Đường dây, cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, măng sông nổi cáp, bộ chia tín hiệu, cột treo cáp, cột ăng ten bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu được xử lý như tài sản vô chủ.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định và phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; cho ý kiến bằng văn bản xác nhận sự phù hợp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh theo thẩm quyền; phối hợp các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan thực hiện tích hợp Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh vào Quy hoạch chung của tỉnh đảm bảo phù hợp với Luật quy hoạch hiện hành và xu thế phát triển, chiến lược, quy hoạch của ngành và địa phương;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền về Quy định này. Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến, cung cấp đầy đủ thông tin về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật viễn thông, về an toàn bức xạ vô tuyến điện đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành viễn thông và các quy định có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng hệ thống công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và lắp đặt, cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện việc chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăngten; hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm tối đa việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, an toàn cho người dân, mỹ quan đô thị và cảnh quan môi trường;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông tăng cường sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Khoản 3, Điều 12 của Quy định; chỉ đạo các doanh nghiệp tạo điều kiện và hỗ trợ lực lượng quân đội và công an sử dụng chung hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ an ninh quốc phòng;

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân về hoạt động quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 và các quy hoạch liên quan;

b) Cung cấp thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh để Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chức năng có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết, chủ động phối hợp quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông phù hợp, đảm bảo tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định về xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

d) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình xây dựng công cộng, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị, tòa nhà nhiều chủ sử dụng (*chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn*) và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

đ) Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo thẩm quyền quy định.

3. Sở Giao thông Vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào quy hoạch giao thông và các quy hoạch khác nếu cần thiết;

b) Cung cấp thông tin về dự án, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chức năng có liên quan và các doanh nghiệp viễn thông biết để chủ động phối hợp di dời, đầu tư, mở rộng tuyến cống bề nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, phòng tránh các sự cố, giảm thiệt hại và thời gian mất liên lạc trong quá trình thi công;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình thi công công trình hạ tầng viễn thông thụ động trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ trên hệ thống đường tỉnh và quốc lộ ủy thác;

d) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình giao thông;

đ) Cấp phép thi công các công trình công cấp, bề cáp ngầm, tuyến cột cáp treo, tuyến cáp ngầm, cáp treo viễn thông trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ trên hệ thống đường tỉnh và quốc lộ ủy thác.

4. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chính trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông trên cột điện lực tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan, an toàn; ưu tiên cấp điện cho các công trình hạ tầng viễn thông;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng chung hệ thống cột điện lực trong phạm vi quyền hạn quản lý với giá thuê trên cơ sở giá thành, hợp tác cùng phát triển vì lợi ích chung để treo đường dây, cáp viễn thông tại các khu vực đô thị chưa có điều kiện ngầm hóa và khu vực nông thôn, miền núi;

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình điện lực và hạ tầng cụm công nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước

trên cơ sở phương án giá thuê do chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình lập;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì tiếp nhận văn bản thông báo đăng ký giá thuê của tổ chức, cá nhân; chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của thông báo đăng ký giá thuê; thông báo đăng ký giá thuê; chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

8. Công an tỉnh

a) Thực hiện quản lý nhà nước về an ninh thông tin đối với việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao;

b) Triển khai thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các hành vi phá hoại công trình, thiết bị và các hành vi vi phạm pháp luật khác đối với các cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

9. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

a) Phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố cho ý kiến bằng văn bản đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động về việc thực hiện Khoản 4, Điều 5 và Khoản 3, Điều 7 theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng;

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với Sở, ban, ngành các đơn vị liên quan hỗ trợ và tạo điều kiện về thủ tục đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông trên địa bàn;

b) Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết, xử lý kịp thời các trường hợp cản trở trái pháp luật, gây rối, phá hoại việc xây dựng và sử dụng

hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn theo quy định tại Khoản 6 Điều 42 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và các quy định liên quan;

d) Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo thẩm quyền được phân cấp; hướng dẫn tạo điều kiện doanh nghiệp chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với công trình trạm BTS xây dựng trên đất theo quy định hiện hành.

đ) Triển khai việc chỉnh trang, ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo quy định tại Điều 16 của Quy định này đồng bộ với kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa đường dây cáp điện lực, chiếu sáng đảm bảo an toàn và cảnh quan đô thị đặc biệt tại khu trung tâm chính trị, văn hóa của các huyện, thị xã, thành phố.

11. Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn quản lý;

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với hạ tầng kỹ thuật trong các Khu công nghiệp của tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định chuyên ngành viễn thông đối với việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn quản lý;

d) Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo thẩm quyền quy định.

12. Doanh nghiệp viễn thông

a) Xây dựng Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của doanh nghiệp; trình Sở Thông tin và Truyền thông để thẩm định trình và phê duyệt; tổ chức công bố công khai quy hoạch sau khi được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp (*trừ các nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định*) đồng thời gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông); tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch và Kế hoạch hạ ngầm, chỉnh trang mạng cáp viễn thông sau khi được phê duyệt;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương tiếp nhận thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, tuyến đường giao thông, khu công nghệ cao, tòa nhà có nhiều chủ sử dụng và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác để tiến hành đồng thời kế hoạch xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa và khắc phục sự cố đối với cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông. Thu hồi đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ đã hỏng, không sử dụng;

d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật và khi có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân cấp huyện trực tiếp quản lý địa bàn. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

đ) Tăng cường công tác quản lý các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quản lý chất lượng công trình, quy hoạch và đầu tư xây dựng.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan có ý kiến phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *lll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái